

PHAN NHẬT NAM

**Hãy phá vỡ
khối nặng
im lặng**



**HÃY PHÁ VỠ
KHỐI NẶNG
IM LẶNG**

Phan Nhật Nam

2001

hãy phá vỡ khối nặng im lặng

phan nhật nam

Bìa: Eneko - M.P

Trình bày: Muôn Phương

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**hãy phá vỡ
khối nặng
im lặng**

PHAN NHẬT NAM

**NHÂN ĐỌC HỎA LÒ,
NGUYỄN CHÍ THIỆN.
CÀNH NAM, THÁNG 6, 2001.**

Những giòng viết sau không có mục đích, ý nghĩa giao tế, lịch sự trong một sinh hoạt văn chương chữ nghĩa, cũng không phải là “lời giới thiệu” về một cuốn sách vừa hoàn tất. Chúng ta không tập hợp nhau nơi đây để làm công việc hình thức để dãi kia, Người Bạn chúng ta cũng không cần những lễ nghi bề mặt để mở đầu câu

chuyện kể về toàn cảnh đời quá đổi đắng cay, khắc nghiệt, với độ bi thảm vượt khỏi mọi ý niệm, mà chắc rằng không chữ nghĩa nào chuyên chất nổi – câu chuyện miên man, bất tận, cùng khắp dài theo khổ nạn quê hương – mà hiện tại, cơn phá hoại, nổi thống khổ vẫn còn nguyên cường độ, nét, sắc đau thương, uất hận đối với mỗi đơn vị người Việt. Lẽ tất nhiên không tính tới những người chủ trương xóa bỏ, cố ý quên khuấy.

Nhưng, nội dung được trình bày tiếp theo đây là tiếng lời hàm ân và bày tỏ lòng thống hối – Hàm ân một Con Người đã tự nguyện gánh khối nặng khốc liệt kinh hoàng mà chế độ cộng sản Việt Nam, bộ máy cầm quyền Miền Bắc đã đổ chụp, siết chặt lên nửa phần đất nước kể từ ngày họ chính thức vào Hà Nội 10 tháng 10, 1954,

và toàn thể quốc gia sau 30 tháng tư, 1975. Cũng là lời thống hối chung bởi sự im lặng khiếp nhược đối với TÍNH ÁC mà số rất đông người Việt đã vô tình, hay cố ý đồng thuận để mặc người cộng sản phóng tay tàn nhẫn hành động, và hung hãn đoạt thắng.

Thế nên, dấu quá muộn sau những thời điểm rất cần thiết phải được ghi nhớ, kết tập kinh nghiệm (của những lần thất bại đối với lực lượng dân tộc, tự do, dân chủ)... 1945, 1954, 1960, 1968, 1972, và lần thất bại toàn diện cuối cuộc 1975... Tiếng lời nay phải được chuyển giao bởi – IM LẶNG CÓ NGHĨA ĐỒNG LỖA CÙNG SỰ ÁC – CHÚNG TA PHẢI PHÁ VỠ KHỐI IM LẶNG TRÌ TRỌM ĐÁNG NGUYỄN RỬA, PHẢI BỊ LÊN ÁN NÀY.

CHƯƠNG 1

ĐỂ SỐNG QUA CẢNH CHẾT:

25 THÁNG 4, NĂM 1983.

Trại 5 Lam Sơn Thanh Hóa. Anh nhận ra cơn lạnh dâng lên từng chập trong thân thể. Lạnh của khiếp sợ. Lạnh của sự chết. Lạnh do con người biết mình đang dần chết với cơ thể còn hiện sống. Anh đưa tay cào cào lên mặt cửa gỗ phòng giam... Thật sự anh cố lung lay tấm cửa, nhưng bởi đã quá kiệt sức nên đầu

ngón tay chỉ sờ sẫm loay hoay trên mặt gỗ sần sùi... Có ai nghe tôi không... Có ai nghe tôi không?!! Anh muốn hét lớn, nhưng chỉ phát ra những tiếng phì phì rên rỉ ư ư trong cuống họng qua hàm răng dẫu cố nghiền chặt vẫn tự động đập vào nhau do cơn lạnh tê buốt mỗi lúc một mãnh liệt dâng ngập trong thân. Đầu anh lại nóng hằm hằm như đang trong cơn sốt cao độ.. Có ai nghe tôi không... Có ai nghe tôi không?!! Anh lập lại lời van xin, mắt trừng trừng vào vũng tối hình như dày đặc, và sắc lạnh hơn. Tiếng ư ư dần tắt nghẹn bởi cổ họng khô rốc, đóng cứng... Bên ngoài hai bức tường đá trước cửa khu kiên giam có tiếng lao xao của những người bạn Miền Nam... Đi nghe, “cà phê phượng”... Đi hết nghe, “cà phê phượng”. Giọng Quảng Nam nặng âm sắc của Phan Văn Giỏi (mà anh hiểu, cố ý để anh nghe ra được với cách lập lại

biệt danh “cà phê phượng” các bạn trước kia gọi anh). Và âm động rầm rập của toán đông người leo lên xe... Đoàn xe mở máy, động cơ nhỏ dần... nhỏ dần. Nhiều người đồng loạt la lớn.. Chào, chào nghe... Tụi tôi đi anh ơi.. Anh ngã sập người lên tấm cửa, chiếc chân bị cùm kéo căng từ bệ nằm không gây nên đau đớn. Anh cũng không biết mình đã bật khóc sau khi gào lên được tiếng ngán thương tâm... Trời ơi!!

Không biết bây giờ là mấy giờ, và anh đã quì, nằm theo vị thế một chân kéo dài, một chân quì trên đất đã bao lâu... Có tiếng kẹt cửa từ căn phòng đối diện, và ngón tay gõ gõ lên tấm gỗ làm dấu hiệu...

– Chú, chú gì đấy... Chú “zét”¹ gì đấy...
Chú có nghe gì không?

Anh lắng nghe, nhưng không thể trả lời. Người ở phòng đối diện lại đập mạnh cửa:

– Này, chú, chú gì đấy... chú “zét” gì đấy... người ta đi rồi đấy, có nghe ra không...

Anh gắng gượng phều phào hỏi nhỏ:

– Họ đi thật rồi à!!

– Chú còn gì nữa, ban này cháu ra làm việc, có đi ngang các chú ấy, họ biết cháu ở trong này, có người nhắn cháu gửi lời chào chú.

– Anh biết họ đi đâu không?

– Thì vào Nam chứ còn gì nữa!

1 Gợi tắt chữ “Việt gian-Z”, để chỉ tập thể tù người Nam bị đưa ra bắc sau 1975.

– Biết đâu họ chuyển trại đi vòng vòng đâu đây?

Anh cố gắng, gượng tự cứu, bám vào một hy vọng đã tắt hẳn.

– ... Xì, làm gì có chuyện ấy, người nào cũng lãnh lương khô để đi hai ngày tàu hỏa, mỗi người một gói thuốc lào An Thái, mười điếu Tam Đảo. Chuyển trại vào Nam mới có tiêu chuẩn ấy chứ.

– Như thế chỉ còn một mình tôi ở đây sao?

Anh phân bua tội nghiệp, cùng đường.

– Thì hẳn thế chứ còn gì nữa, hỏi thôi vừa vừa chứ. Nhưng nầy, chú bị vụ việc gì mà khó thế?

Giọng nói bốn cột, bất cần.

Không để ý lời của kẻ bên kia

khung cửa, anh chuyển câu chuyện qua tình huống khác:

– Anh có thấy ai bị kiên giam tương tự như tôi không?

– ... Ồi, ngoài Hỏa Lò, trên mấy trại phía Bắc khối người ấy, cứ hết hạn này đến hạn khác, ba bốn cái “tập trung” suốt!!

Anh bám vào mối an ủi khốn cùng:

– Nhưng đó chỉ là diện hình sự như của anh chứ gì?

– Hình sự chúng cháu thì nói làm gì, cứ xong "trường²" là lên trại, hết trại 1, Phố Lu, đến trại 3, Nghệ Tĩnh, rồi trại Ngọc, trại Phong Quang, nay "quân ta" lại về trại 5 Lam Sơn này... Hết ở trại, ra ngoài được vài tháng gây vụ việc xong lại vào nằm, thì...

2 “Trường Vừa Học–Vừa Làm”, trại tập trung thanh thiếu niên do công an quản lý “giáo dục”.

đời ta vẫn đẹp sao... tình yêu vẫn đẹp sao...
dù cùm đeo có nặng thế nào³...!! Người này
đổi giọng nghiêm trọng:

– Ý là cháu nói các ông chính trị đấy
chứ, có ông ở Hỏa Lò chuyển trại lên Phong
Quang mấy năm trước, khi cháu còn ở đấy
– cái ông gì chỉ vì «tội làm thơ» mà bị tập
trung mấy mươi năm, còn cả gan ném thơ
vào Đại Sứ Quán nước ngoài nữa đấy!!»

Xoay vòng chân cùm ở vị thế chữ U úp
xuống, anh quì hai gối lên bệ nằm, đầu gục
xuống ngực, nói ra lời:

– Lạy Chúa Thánh Thần xin gìn giữ,
giúp sức qua khổ nạn. Xin cầu cho người
anh em không quen biết. Xin cầu cho người
làm Thơ không biết tên, cho tất cả những ai
cùng khổ, đau thương.

3 Nhại theo một bài hát tuyên truyền của Miền Bắc trước 1975.

Lòng anh dần dâng ngập mỗi an ủi
ấm áp... Có người khổ hơn mình, những
đồng bào Miền Bắc đã chịu rất lâu tai họa
cộng sản, những người vượt sống giữa
vũng tối, sự chết, chịu đựng bền bỉ kiên
trì mỗi sĩ nhục vô lương của chế độ mất
nhân tính gớm ghê này – Những người
viết Thơ – biện pháp chiến đấu, quyết liệt
để tồn tại với Chữ.

CHƯƠNG 2

SAU LẦN THANH TOÁN

THƯỢNG ĐẾ

Trong thời gian dài lâu, từ thập niên 60, lúc tuổi đời chưa tới ba mươi, khi bắt đầu sử dụng chữ viết, anh đã nhiều lần, thường trực lập lại với riêng bản thân: “Sau khi đã ngang ngược thanh toán Thượng Đế không thương tiếc thì con người có còn không lương năng, tri giác đích thực; có còn không tính trung trực của người trí thức; có còn không bản lĩnh

Kẻ Sĩ – Người Dụng Văn – giới sáng tạo chữ nghĩa?”... mỗi khi chúng kiến, nghe, đọc lại về những điều ác độc mặc nhiên được thực hiện, xem trọng, đề cao; bọn bạo ngược trôn tráo đoạt thắng, và người hiền lương vô tội, kẻ trung chính bị ngược đãi, bức bách, mà trong rất nhiều trường hợp phải chịu nạn thảm sát thương tâm: C.V. Gheorghiu, Arthur Koestler, Elie Wiesel trước Thế Chiến 2 ở Châu Âu.

Sau năm 1945, chiến tranh chấm dứt, nhưng bi kịch về thân phận kẻ sĩ, người trí thức, quần chúng vô tội (bị lôi kéo vào vòng tranh chấp, củng cố quyền lực, của những kẻ cầm quyền tham tàn, bạo ngược, nên mặc nhiên biến thành đối tượng bị bức hại chính trị), vẫn không dấu hiệu thay đổi, cải tiến, nếu không nói còn bị đẩy dora tàn tệ hơn. Bởi lần này, hệ thống quyền lực (các

chế độ cộng sản đông, tây) thay đổi sách lược đàn áp người đối lập chính kiến (hoặc bị vu cáo, áp buộc một cách ngang ngược), với kỹ thuật độc hiểm, tàn nhẫn hơn hẳn so với cách giết người thô thiển trắng trợn của nhà nước Đức Quốc Xã đối với người Do Thái, các chủng tộc thiểu số người Gypsies, Slaves, nhóm đồng tính luyến ái.

Nơi Trung Hoa cộng sản, Mao Trạch Đông sau chiến thắng lớn 1949, gồm thu lục địa, đặt mình cao hơn hẳn Hán Lưu Bang, Tần Thủy Hoàng (gọi những tiền nhân của y kia chỉ là bọn võ biên thô tục, nông cạn chỉ biết “giương cung bắn ó diều” – Thơ Tuyết); năm 1958, Mao thực hiện sáng tạo “Đại Nhảy Vọt” với sách lược: “Người người làm gang, thép. Nhà nhà làm gang, thép”, để cuối cùng có được “thành quả” 20 chục triệu người chết đói từ 1959 đến 1962.

Nhưng, Mao bình tĩnh nhận định: “Karl Marx, Lenine, Khổng Tử còn có khi sai lầm. Ta cũng vậy.” Lời nói không phải bâng quơ, nên năm 1966, rất tự tin, Mao phóng tiếp chiến dịch “Cách Mạng Văn Hóa” với lực lượng 10 triệu Hồng Vệ Binh (đếm đủ số trong cuộc duyệt binh tháng 10 cùng năm tại Bắc Kinh), thanh toán các lãnh tụ đối lập, Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Đức Hoài... cùng lần với Khổng Tử, Thích Ca, mà thầy xác người dân vô tội ở thành phố Nam Kinh phải dọn bằng xe ủi đất.

Và ở Liên Xô, ngọn cờ đầu của phong trào vô sản thế giới ắt không để chịu thua sút, mà riêng với Staline sau khi năm xuống (1953), bản báo mật của Khrushchev đọc tại đại hội đảng lần thứ 20, năm 1956 đã nêu ra con số: 20 triệu người chết trong 29 năm cầm quyền của một cá nhân được gọi là

“người cha không những chỉ riêng của các dân tộc thuộc liên bang Sô-Viết, mà còn là ánh sáng soi đường chung cho toàn phong trào vô sản thế giới.. Hoan hô Staline, vững vàng cây đại thụ. Rợp bóng mát hòa bình. Ngọn hải đăng vô sản – Tố Hữu, 1950”.

Nhưng triều đại Khrushchev cũng không hẳn là buổi “băng tan” đối với giới sinh hoạt văn học sô-viết, nên Boris Pasternak, trái tim lớn của dòng văn chương hiện thực Nga dẫu chỉ ao ước, “Được viết đôi điều sâu xa, và trung thực...” (Đoạn mở đầu của bài viết “từ chối” nhận giải Nobel văn chương 1960), và đã khiêm nhường bày tỏ: “Tôi bắt buộc phải từ chối giải thưởng trao tặng giành riêng cho cá nhân mình. Vậy, xin quý vị chớ phiền hà vì sự chối từ này.” Kết cuộc, nhà văn trung chính cũng phải chịu sự lưu đày nơi quê nhà, bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn, mà phải đến năm 1987 (hai năm trước lần Liên sô

sụp đổ toàn diện), ông mới được phục hồi lại danh dự. Năm 1970, A. I Solzhenitsyn cũng cỏi hơn, kiêu hãnh nhận giải thưởng Nobel văn học, nên cho dù Staline đã chết từ hai mươi năm trước, kẻ cầm đầu đảng cộng sản Liên Xô hiện tại (1974), Brezhnev vẫn không có biện pháp nào khác hơn đối với nhà văn can đảm nẩy bằng biện pháp lưu đầy, và hạ nhục.

Nhưng với Việt Nam, tình thế không phải hoàn toàn như trên. Hơn cả Sắc Luật ngày 15 tháng Tư, năm 1919 của đảng cộng sản Liên Xô cho phép cơ quan mật vụ OGPU (tiền thân của MKVD, KGB) có quyền bắt giam những người bị đánh giá là “nguy hại đối với chế độ”. Đảng cộng sản Việt Nam với tập đoàn lãnh đạo gồm những ủy viên bộ chính trị, những đảng viên cộng sản thuần thành, chính thống, cũng là những

người cộng sản tập trung đầy đủ những tính chất xấu nhất của loại lãnh chúa, quan lại phong kiến (ty tiện, tham tàn, ích kỷ, tự ty, lẫn tự mãn), cộng với kỹ thuật cao nhất về tổ chức, tuyên truyền, vận động quần chúng của cán bộ đệ tam quốc tế – hiện thực nên một tổng hợp nhất quán gọi “đỉnh cao trí tuệ” – tính theo chiều ngược của tri thức nhân loại – cho dù là tri thức về lý thuyết cộng sản. Từ tổng hợp “độc địa và tàn hại” này, do huấn luyện, chỉ đạo, điều hành của Hồ Chí Minh, cơ quan đầu não này thực hiện được một điều mà các cá nhân, tập đoàn cầm quyền cổ, kim, đông, tây (cho dù thuộc chế độ độc tài chuyên chế khắc nghiệt nhất) cũng không thể xây dựng nên – Đặt toàn bộ dân tộc ra ngoài vòng pháp luật – Có nghĩa – ĐẢNG TOÀN QUYỀN BẮT GIỮ, GIAM CỨU, XÉT XỬ, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG MỌI BIỆN

PHÁP TRỪNG PHẠT ĐỐI VỚI TẤT CẢ THÀNH PHẦN DÂN CHÚNG, ĐẢNG VIÊN CƯ NGỰ TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (nghĩa là bao gồm vùng đất và dân cư dưới vĩ tuyến 17, thuộc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa) mà không phải tuân theo một quy chế hành chánh, sắc luật pháp chế nào – Sắc Lệnh 1961 về “Chính Sách Tập Trung Cải Tạo” kiểm soát chặt chẽ toàn thể các tầng lớp dân chúng, đảng viên để hiện thực bước ổn định chính trị sau Nghị Quyết thành lập “Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam” (19 tháng 12 năm 1960), và Nghị Quyết “Tập Trung Cải Tạo” của Đại Hội III Trung Ương Đảng. Nội dung chính trị và pháp chế của sắc lệnh nầy về mặt văn hóa được chuyển thành những khẩu hiệu tuyên truyền chiến lược qua những ngôn ngữ đáng kinh sợ do tính sa đọa bất nhân:

Trời không có thiên thần

Đất không có thánh nhân

Chỉ có Nhân Dân thần thánh

Và Đảng ta làm nên sức mạnh

Bay đến chân trời... (Nguyễn Đình Thi)

Từ vị thế tối thượng bao gồm “chủ thể chỉ huy lẫn mục tiêu thụ hưởng – Đảng và Nhân Dân” – tập đoàn cầm quyền Hà Nội dựng nên hệ thống tiêu chuẩn giá trị đạo đức mới – Tiêu chuẩn này cho phép họ thủ đắc toàn diện một quyền hạn tuyệt đối – Quyền quyết định đời sống của người khác – Quyền giết người cho mục tiêu chính trị yêu cầu, với mạo danh nhân dân – Quyền “cách (cái) mạng sống con người”, nói theo cách ví von của Hồ Chí Minh.

Người mẹ chỉ có quyền thương con, và
bạn của con mình nếu họ có chung “công
tác” do đảng chỉ đạo,

Bầm yêu con nên bầm yêu đồng chí

Bầm quý con nên bầm mến anh em...
(Tố Hữu)

Tương tự như thế, con giành quyền
(và phải) kết tội, sỉ nhục, tiêu diệt cha mẹ
từ một định nghĩa, phân loại giai cấp của
đảng chủ trương,

Ai về làng Bái Hạ

Nhấn “vợ chồng thằng thu”

(danh từ riêng “thu” viết thường theo
như nguyên bản)

*Rằng chúng bây là lũ quốc thù... (Xuân
Diệu)*

“Vợ chồng thằng thu” là ông bà Ngô

Xuân Thu bị kết án là “lũ quốc thù”, do đã tàn tảo khuya sớm làm ruộng nên trở thành địa chủ, do có phần lúa gạo dư dả cho Xuân Diệu ăn học để nên thành “thi sĩ tình yêu” trước 1945, và sau này, “thi sĩ nhân dân” của đảng, và nhà nước.

Thế nên, kể từ 1961 ở Miền Bắc Việt Nam, để hiện thực quyết nghị trên, những đối tượng bị truy lùng, bắt giữ, thủ tiêu không phải chỉ là những người “khác chính kiến, chống đối chế độ về mặt tư tưởng” như những Khái Hưng, Nhược Tống, Lý Đông A, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Trương Tử Anh... vào thời điểm đảng cộng sản vừa cướp chính quyền, và quyết tâm củng cố quyền lực trước 1945. Sự trừng phạt khắc nghiệt cũng không giới hạn đối với lực lượng những người viết văn, làm thơ phản kháng có ý thức thuộc nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm, 1956 với những kiện tướng Trần Dần, Phùng Cung, Phùng

Quán... do con người lẫm liệt Phan Khôi thủ xưởng. Hoàn toàn không phải như thế, “Nghị quyết tập trung cải tạo 1961” đưa toàn bộ Miền Bắc vào trại tù, xuống tận sâu địa ngục, chung quanh vây kín tầng tầng vũng lửa – những nơi chốn kinh hoàng mà chữ nghĩa nhân loại khó có thể mô tả, viết nên; trí não con người không hề nghĩ đến dấu trí tưởng tượng dồi dào, phong phú nhất. Địa ngục ấy có thật dưới mặt trời, nơi một chốn được gọi nên là “thủ đô của phẩm giá con người”.

Chúng ta hãy cùng Nguyễn Chí Thiện phá vỡ khối nặng im lặng gớm ghê đáng sợ, ác độc, đê tiện này – Cảnh sống – chết nơi nhà giam Hỏa Lò ở Hà Nội.

CHƯƠNG 3

BUỔI CON NGƯỜI BỊ KHINH MIỆT TẬN DIỆT

Khu nhà tù Hỏa Lò do người Pháp dựng nên sau khi bình định được nước Việt, là trại giam trung ương của Miền Bắc. Sau năm 1954, công an cộng sản Hà Nội sử dụng làm nơi tạm giam các phạm nhân chờ chấp cung, chưa có án, đợi đưa đi các trại. Nhà tù nằm trên phố Hỏa Lò nên nhận danh xưng này, và phần hông dài theo góc phố chính Hai Bà Trưng, phía sau là phố Hàng Bông Thợ Nhuộm. Nhà

tù gần trung ương, Bộ Nội Vụ, Cục Trại Giam, thuộc quyền Sở Công An Hà Nội để tiện việc bắt giữ, điều hành, quản lý, xét xử. Nhà tù nhận nhiều đợt tù ngay sau khi bộ đội cộng sản vào Hà Nội 10 tháng 10, 1954, tù đây chuyển đi các trại trung ương từ biên giới Việt-Trung đến Nghệ An, Hà Tĩnh, các trại tập trung dọc vùng thung lũng sông Mã Thanh Hóa, Hòa Bình, hậu thân của hệ thống trại Lý Bá Sơ, đã thành danh hiệu một Tây Bá Lợi Á của cộng sản Việt Nam từ khi nhà nước vô sản đầu tiên được dựng nên ở Đông Nam Á, ngày 2 tháng 9, 1945 – cũng là ngày thành hình hệ thống nhà tù cộng sản thay thế ngay lập tức, và có hiệu quả nhà tù thực dân trong những vùng vừa được “giải phóng” với chính sách giam giữ khắc nghiệt, tận khinh miệt con người. Chúng tôi không nói điều mĩ mai, cố ý đặt để. Những nhà tù Sơn La, Nghĩa Lộ, Yên Bái với những cùm bằng sắt đã có

thời cùm giữ các ủy viên trung ương, cán bộ công sản nay được tăng cường số lượng với vòng siết thắt chặt hơn; chén cơm, thức ăn, rau tươi, hoàn toàn bị cắt bỏ thay thế vào đấy những thứ lương thực, thực phẩm như sắn tươi nung khô, bo bo, khoai ửng, rau khô úa mà loài chó, lợn cũng từ chối. Chiếc cùm chân Trường Chinh ở phòng giam nay được giữ lại ở Hỏa Lò như một chứng tích lịch sử của “thời thực dân tàn ác, bóc lột”, thật không thấm vào đâu so với khối cùm hộp kẹp vỡ xương ống chân của những con người trong câu chuyện sắp kể ra. Cũng tại nhà tù Hỏa Lò này. Thế nên, phải nói thật một điều tưởng chừng như vô lý – Nhà tù Hỏa Lò thời thực dân đã là một thiên đường so với thời “tập trung cải tạo xã hội chủ nghĩa theo lời dạy của Bác Hồ vô vàn kính yêu!!”

Chúng ta cần nêu một so sánh để khỏi bị cáo buộc vô bằng cứ. Khi xây khám,

người Pháp dự trù chỉ để giam cứu cho vài ba trăm người với những dãy nhà dài rộng. Công an cộng sản chia thành bốn khu chính với những phòng giam ngăn cách bởi những dãy tường đá, trên thả kẽm gai, và mảnh chai vỡ. Một nhân vật của câu chuyện kể (vốn là đại úy Quân Đội Quốc Gia trước năm 1954) tháng 8, 1961 bị đưa vào tù theo nghị quyết tập trung kể trên, có số tù 4257. Điều này giúp cho biết, chỉ mới đến tháng 8 lượng tù đã quá số 4000, cuối năm, theo nhịp tập trung bắt giữ như đã xảy ra ắt hẳn khoản 6000 lượt người, vào và chuyển dần đi. Hỏa Lò nhận một số tù gấp mười lần số lượng dự trù, và diện tích phòng bị co rút lại, thế nên, các phòng giam dẫu treo khẩu hiệu, “Ăn sạch. Ở sạch. Nội vụ sạch”, sinh hoạt “điển hình tiên tiến” ở phòng số 14 đã diễn ra như sau: “Ba chục tên mới vào chen chúc đứng ở chỗ cửa ra vào, rộng khoảng ba thước vuông, đám tù

sẵn có chen nhau nằm trên hai sàn, trên lối đi giữa phòng, không một kẻ hở nhỏ. Tất cả phải nằm úp thìa (bụng người nầy sát vào lưng người kia, chân co lại), trong nhà mét (nhà vệ sinh có bề ngang “một mét”) hơn một chục tên nằm ngời ngồn ngang. Tên trực phòng bàn với tù trưởng phòng:

– Bây giờ ba chục tên mới vào nhét vào đâu?

– Đành phải lèn chúng nó bằng được!

Trực phòng gọi từng tên một đến chêm vào đống người nằm chặt trên sàn... Dồn lại! Dồn lại! Miệng hô, gót chân nện vào bụng, ngực những thằng đương nằm, cổ có được một khoảng trống độ mười lăm phân để chêm thêm một tên. Vất vả khoảng mười lăm phút cũng chỉ chêm được bảy tên, nên cuối cùng trưởng phòng có sáng kiến:

– Tao có biện pháp, cho chúng nó “tạc

tượng”, nghĩa là đứng dựa vào tường đêm nay. Đêm mai sẽ thay lớp khác. Lập tức hai chục “pho tượng” được đặt dọc theo bức tường”.

Nhưng 250 con người trong căn phòng dự trữ chỉ hai mươi người ở kia có những nhu cầu sinh tử, trong đêm họ phải đi tiểu, đại tiện (do buổi chiều vừa được thăm nuôi, và chỉ trong vài phút ngắn đã phải ăn cho hết những thức ăn nhiều chất bột, mỡ, đường). Kẻ đi vào phòng vệ sinh phải trở thành một diễn viên xiếc thượng thặng... Trước khi bước phải tìm một kẻ hở giữa đám người nằm để đặt năm đầu ngón chân xuống, có những chỗ quá xa nên phải nhảy tới, rồi bước lò cò; lỡ chân, đập lên mặt, lên ngực kẻ nằm, hoặc ngã đè lên họ... Vào được phòng vệ sinh, lại phải thêm một phen chen chúc. Một tên ngồi gục đầu trên hố xí, úp mặt xuống lỗ hố xí thối thum, một tên khác ngồi ở bệ bước lên, nhưng dù sao

đấy cũng là “hai chỗ ngủ tốt”. Có tên nằm co quắp trong bệ tiểu tiện, phải đánh thức tên này dậy mới đi tiểu được, vừa tiểu tiện xong, bệ tiểu đã có một tên nhảy vào ngồi trám chỗ. Từ cửa phòng vệ sinh, lão (người tù có số hiệu 4257) nhìn ra... Căn phòng im lặng lênh đặng mùi tanh tươi của máu, mủ, mồ hôi, mùi phân người bốc lên ngậy ngậy... Mấy trăm bộ xương da khảng khiu, lở loét ngập tràn, nằm ôm cứng la liệt như đông xác chết như một nắm mồ tập thể, lộ thiên chưa lấp đất.

Chắc hẳn, bạn đọc đã có ý nghĩ: Đám tù của phòng số 14 này phải là những tay anh chị, dân dao búa, vào tù do phạm những tội hình gia trọng?! Cũng có thể đúng như vậy, nhưng trong đám không thiếu những bị kịch thương tâm. Chúng ta hãy nghe người tù già thở than với gã tù trưởng phòng (để gã này gia ân cho khỏi ngủ “nhà mét – chuồng xí”...

– Vâng, thưa bác, cháu chỉ vì đạp xe trái luật, bị cảnh sát phạt hai chục đồng (khoảng một, hai đồng tiền Mỹ). Cháu không đủ tiền nộp, họ giữ ở đồn mấy hôm. Vợ con cháu đói, cháu van lạy công an trả xe, cháu đi làm sẽ nộp phạt sau. Mấy ngày liền cháu lên đồn cầu xin, công an không trả còn mắng chửi, xua đuổi. Nhà cháu ước quá kêu trời, đất, tên các ông Lê Duẩn, Trường Chinh để kể ra nỗi khổ... Thế là bị giải vào đây, đã mười bốn tháng vì tội “lãng mạ, xúc phạm lãnh tụ”. Cháu không biết chữ, xin bác làm ơn, làm phúc, viết cái đơn, xin nhà nước tha cho cháu.

Ông lão đạp xích lô không phải là trường hợp riêng biệt, có gã tù trẻ hơn, đói quá đang ngồi bỗng nhiên ngất xỉu, được lão tù (vốn là đại úy quân đội quốc gia vừa kể ra trên) cho uống một ca nước pha chút đường, gã tỉnh lại, rơm rớm nước mắt, kể lể:

– Cháu có tội gì đâu, cháu làm nghề sửa đồng hồ, đạp xe đạp quanh các phố rao mời: “Đồng hồ nhanh, chậm, hỏng vỡ...Ai cần chữa...”. Một hôm quá mệt, cháu rao ngắn hơn... “Hồ hỏng, hồ vỡ, sửa chữa..” Rao được vài phố thì bị công an bắt vào đồn. Ông chấp pháp hỏi cung, bắt cháu phải nhận có ý đồ phản động, xỏ xiên lãnh tụ, xúc phạm bác Hồ!! Cháu giải thích, hôm ấy cháu bị ho, lại quá mệt chứ nào dám xúc phạm Hồ Chủ Tịch, cháu còn hai con nhỏ phải nuôi, làm sao có gan bằng giờ như thế! Ông chấp pháp bảo nếu có cố ý thì cứ nhận, đảng sẽ khoan hồng, cho về với vợ con. Cháu tin theo, ký vào biên bản, nhưng không hiểu tại sao cứ bị giam ở đây, đã mười tám tháng...

Gã thợ sửa đồng hồ khóc nức.

Những trường hợp thương tâm, bi hài như trên không phải là hiếm hoi, và hậu quả

của khốc hại của chế độ giam giữ không chỉ gây nên đói khổ, ngủ nhà xí, trong bồn đi tiểu. Chúng ta qua khu nữ tù, khu thứ ba của Hỏa Lò để biết ra thêm một khía cạnh bi phẫn: Phận người, phận người tù nữ cũng không kém cường độ khốn khổ, trái lại trong những tình cảnh khốn cùng kia, họ đã là những đơn vị thụ động, bị đánh vỡ trước tiên. Chúng ta hãy nghe câu chuyện: Phòng nữ không quá đông như phòng nam, nhưng cũng chật ních, thêm mùi cầu tiêu, mồ hôi, mùi máu mủ, ghê lở, lậu, giang mai, kinh nguyệt quện vào lan tỏa... Đám nữ tù khi vào buồng, đồng cởi áo quần, nằm ngồi ngổn ngang, lấy những mảnh giẻ con thấm máu mủ cho nhau. Có tiếng khóc của trẻ con, mục trưởng phòng đã ngoài bốn mươi, bế đứa nhỏ trong tay, nựng nịu... Khổ thân cho cháu quá, bé tí thế này mà đã vào tù, mới mười tháng mà đã trở thành tù nhân, mà cái này cũng chỉ

tại mẹ mày, trẻ người non dạ... Mẹ nó còn đường không đấy? Cô giáo đừng ăn đường của con đấy nhé.

Mẹ đưa bé, vốn là cô giáo sùt sọt:

– Cám ơn các chị thương cháu, cho cháu đường để pha nước cháo, em đâu nỡ ăn đường của con.

Mụ trưởng phòng an ủi:

– Thôi đừng khóc nữa, trên thế nào cũng chiếu cố cho mẹ con em về, mà em cũng thật dại, bao nhiêu người chồng chết, con chết mà ai dám chửi như em đâu?

– Em nào dám chửi đảng bao giờ, nghe tin anh ấy chết, em chỉ gào mỗi câu “nghĩa vụ quốc tế giết chết chồng tôi rồi...”. Không biết kiếp trước mẹ con em phạm tội gì mà giờ đây đọa đến thế này, chồng thì bỏ mạng ở xứ người, xác không biết chôn đâu,

mẹ con em lại phải vào tù đã năm tháng nay.

Với môi trường tù ngục như trên, đứa bé lại thiếu dinh dưỡng, dẫu cô “nữ quái” của phòng đã dùng đến chiến thuật của nghề cũ – Dùng thân xác mình o ép, lập kế dụ các gã bộ đội võ trang (đi tuần hằng đêm) cung cấp hộp sữa để được sờ mó người cô, và dùng sữa nầy nuôi đứa bé – Nhưng bé không chịu đựng nổi sức nóng của căn phòng, vào những ngày tháng Tám, nóng lên đến quá 40 độ, bé bị sốt cao, rôm sảy đầy người, la khóc đến nghẹt thở, xong chỉ còn những tiếng rò rè thêm thếp. Cô giáo chỉ còn da, xương, mắt quầng thâm, ôm con lo lắng. Một buổi sớm, cô thếp mê, khi tỉnh dậy thấy thằng bé há hốc chiếc miệng nhỏ xíu, mắt trợn lên, bất động. Cô hoảng loạn kêu ầm... Con tôi chết rồi!! Con tôi chết rồi!

...Gã tự giác vào phòng, giật đứa bé khỏi tay cô giáo, đẩy cô ngã xuống. Cô vùng lên chạy theo, gào thét:

– Trả con cho tôi! Trả con cho tôi! Tôi tự tử chết!

Cô đập đầu vào song sắt. Máu từ đầu chảy xuống hòa nước mắt.

... Nhờ các bạn tù theo dõi, trông chừng, cô giáo không tự tử chết được, chỉ trở nên người mất trí. Trong cơn điên, cô hát lại những câu hát thời thơ ấu, lúc con còn sống, cô thường hát để thay lời ru... Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn các em nhi đồng. Bác chúng em đáng cao cao, người thanh thanh... Mong Bác sống muôn đời để dìu dắt nhi đồng thành người... Và cô chêm những lời thơ vào bài hát với, lẽ tất nhiên cũng là thơ về Bác Hồ do Tố Hữu viết xưng tụng Bác... Đàn cá kia còn vui với ai. Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài... Cô vừa hát, vừa

ngâm thơ, vừa múa đẹp, thường kết thúc trò vui với lời gào khản.. ới con ới... ới con ới!!

Một sáng đầu tháng mười, ông y sĩ trại vào dẫn cô đi. Cô giáo được đưa tới một trại giam người điên bên Châu Quỳ, Gia Lâm. Các bạn tù thì thầm... Nó được Bác Hồ phù hộ đấy. Bác thiêng lắm, hôm Bác mất, giờ mưa khóc bác...Thì con điên ấy chẳng thường ngâm, “Người tuôn nước mắt, Trời tuôn mưa” đấy con ới là con!!

Đến đây, hẳn bạn đọc có thể nại đến một thắc mắc để có được cơ an ủi: Những người tù vừa kể trên thuộc về những thành phần đại chúng, thấp cổ, bé miệng, không ai biết đến, và hệ thống nhà tù đẩy họ vào chung một hoàn cảnh khốn cùng, hơn nữa, Miền Bắc thời chiến tranh, người dân ngoài xã hội cũng không được phân dư dã, thường xuyên chịu kiểm soát, coi chừng.

Không phải như vậy, người bạn của chúng ta sau một hành trình từ bốn giờ sáng, suốt 18 tiếng đồng hồ bằng tất cả những phương tiện, ca nô, xe tải, xe lửa... Chen chúc nhau trong một toa đèn bật kín, nhầy nhựa phân lợn, mười một giờ đêm đến trại Phong Quang, sát biên giới Việt-Hoa, cách nơi khởi hành chỉ hơn 100 cây số, khoảng 60 dặm Anh.

Sáng hôm sau, Nguyễn Chí Thiện đến bệnh xá tìm gặp một người... Một người trung niên, mặc áo bông, đứng trước cây ốt chỉ thiên, đầu ngẩng lên nhìn trời, nét mặt xám nhợt, bất động. Phùng Cung, cây bút trẻ tuổi mạnh mẽ nhất của nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm, từ thập niên 50 đã nhận chân ra được phần “tài năng” của đám bồi bút đảng, những Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... như “Con ngựa già của Chúa Trịnh” nhìn cuộc sống ngoài cung điện:.. “Tất cả những cảnh vật trước mắt nó đồng

nhỏ lại và thẳng tắp. Rồi cây cỏ, núi đồi cho đến màu xanh của trời chỉ thu lại là một đường thẳng. Nó không ngờ hai chiếc lá đa che hai bên mắt chỉ cho thấy được một chiều...”. Từ, bởi những dòng chữ này, người viết văn đã phải nhận ngay trừng phạt với mười năm tù không tuyên án tính đến năm 1970 (và tiếp theo sau một thập niên nữa), nghĩa là ngay sau khi nghị quyết tập trung kể trên kia được thi hành. Khác với tình trạng của Rubashov trong *Darkness At Noon* vào những giờ phút cuối cùng trước khi bị hành quyết, không còn đến cả người bạn tù bên phòng 406 đáp lại tiếng gõ làm hiệu. Ông ta nhớ lại quãng đời dài 40 năm phục vụ đảng, và cách mạng – phục vụ dân hiến – không hề đặt nên vấn đề: Phục vụ cho ai từ lúc khởi cuộc? Và khi chạm sát vào cái chết, người tử tù tự hỏi mình ngây thơ như đứa trẻ: Hóa ra đảng đã lấy hết tất cả những gì của mình dâng hiến, và

không cho lại được tiếng trả lời sao? Phùng Cung không được chết, dù phải bị bệnh lao, chuyển về đội đan lát, (một đơn vị của trại tù có biệt danh “mầm non nghĩa địa” – gồm những người sắp chết), anh phải sống sót, ra tù để chịu đựng sự đe dọa thường trực “suốt chục năm, sau ngày ra tù, (kể cả sau khi Liên xô sụp đổ 1990), công an thường xuyên tới nhà, lục soát, gọi lên đồn, đe dọa, khủng bố tinh thần. Có lần không biết ai tố cáo, anh phải nộp 50 bài thơ chép tay; may chỉ là thơ tả cảnh, không đụng gì tới chế độ.” Bên cạnh sự khủng bố của công an, còn có tiếp sức của cái đói, “cái đói bám vào thắt lưng mà đánh”. Phùng Cung tôn kính hạt gạo vô cùng, ông nói thành lời:

– Tôi rạp đầu. Bạc tóc rạp đầu. Lạy hạt gạo thiêng!

Vợ chồng ông phải sống trong cảnh: Trệu trạo trái sung. Ruột tím cơ hàn... Và

trong lòng là nỗi sợ hãi nơm nớp: Mắt trước, mắt sau. Kinh hoàng di lụy. Quỳ gối, chống tay, vẫn còn sợ ngã!

Có điều nào lầm lỗi trong những chữ nghĩa xót xa này, một đời người toàn diện hiến dâng cho độc lập, tự do dân tộc, ngợi ca, gìn giữ phẩm giá con người, từ những năm còn độ tuổi thiếu niên...

Vùng châu thổ Lương Hà vang tiếng gáy

Lớp lớp thương vong bằng an ngôi dẫy

Dưới sao Mai ưu ái trong lành

....

Khắp nẻo Nam, Bắc bán cầu

Chim hót Thánh Thi

Cuối cùng, chế độ quyết định kết thúc đời người tại những tình huống tận sống trong cảnh chết qua bi kịch khốc liệt như

sau: “Người thanh niên 31 tuổi, vốn là bộ đội giải ngũ vì thương trận, anh can tội đánh cắp kho thuốc tây phố Đinh Liệt, quận Hoàn Kiếm. Chẳng phải số lượng thuốc bị mất cắp quá lớn để có thể gây thiệt hại đến nền y tế quốc gia, nhưng bởi đây là kho thuốc của trung ương đảng nên anh bị kêu án tử hình. Án xử đã được định sẵn với công tố Đỗ Xuân Sảng vì trung ương đảng muốn cảnh cáo cho dân chúng biết – Đánh cắp của ai cũng có thể châm chước (bằng chứng những vụ tham nhũng, làm hư hại, gây lỗ các xí nghiệp, ngân hàng lên đến hàng chục tỷ đồng cũng chỉ bị “cảnh cáo nội bộ”), nhưng đánh cắp của đảng (của đảng viên trung ương đảng) thì chỉ có tội chết mới xứng đáng – bởi đây là biểu hiện nhất quán về phản động chính trị – Coi nhẹ pháp chế của đảng. Xúc phạm lãnh tụ...”. Cô gái cũng có trường hợp tương tự, vì uất ức tên trưởng khu phố đã lợi dụng chức vụ

(dù chỉ là chức “trưởng khu phố”) để đòi cô cho hần ta thỏa mãn (như cách tổng, lý, xã trưởng của đầu thế kỷ khi còn chế độ quân chủ, phong kiến), còn bức bách mẹ cô vốn là một cô giáo. Quá phần uất, cô gái dùng xăng đốt nhà gã này cho đến chết. Cô bị kết án tử hình lúc 19 tuổi. Hai người đối diện nhau qua dây hành lang của khu khám tử hình và sống cùng nhau trong những giờ phút cận kề, chạm mặt cái chết:

... Hai đứa bị tử hình mà không thương nhau thời thương ai? Thấy mặt anh ngáy ra, em buồn cười quá. Chắc chúng mình có duyên nợ nhau từ kiếp trước. Năm nay em mười chín tuổi, ở ngoài, em chưa yêu ai đâu!

– Em mười chín tuổi, chỉ mới trăng tròn lẻ bốn tuổi, chưa mảnh tình vắt vai, tuổi mới bước vào đời mà phải bước ra. Tiếc thật, giá anh có thể chết thay cho em

thì tốt biết bao... Mấy đêm trước, anh mơ thấy thầy mẹ anh. Hai “cụ via” vui lắm, nói là sắp được đón anh. Kiếp sau hai đứa mình sẽ chung sống nhé!

– Đợi kiếp sau lâu lắm, em không đợi được đâu, sau khi chết hai linh hồn chúng mình phải gặp nhau cơ. Chúng mình nên chọn nơi thật thơ mộng như bên Hồ Tây, trên đường Thanh Niên ấy,

– Ý kiến hay quá, nhưng theo anh, chúng mình hẹn gặp nhau trên đê sông Hồng, chỗ Đồn Thủy đi thẳng ra...

– Đây, nếu ở thế giới bên kia mà anh phụ em, em sẽ «hỏa thiêu» luôn cả linh hồn anh

– Trời đã thương anh, ban em cho anh, anh mà phụ em, trời cho set nổ trên đầu, đánh chết tươi anh ngay. Em ơi, anh muốn sang bên buồng em quá. Nghĩ tới được ôm

ấp em, vuốt ve em, anh run cả người lên đây này...

– Em cũng muốn lắm, mồ hôi em cũng lấm tẩm trên trán đây,

Gã tù hạ thấp giọng, nói nhỏ:

– Em đã thông cảm thì anh mạnh dạn nói. Đêm qua, anh nghĩ sẽ đề nghị với em là chúng mình sẽ thành vợ chồng, nhưng chuyện động phòng là không thể được rồi. anh chỉ muốn chúng mình ngấm thân thể của nhau!! Đến giờ vệ sinh, anh sẽ đứng lên cùm nhìn sang buồng em. Đến lượt em cũng thế, nhớ cởi hết ra đấy!!

– Nếu có cơ hội, anh mở lỗ cửa gió buồng em như hôm nọ, em sẽ để môi ra cho anh hôn..

– Sáng kiến hay quá, ờ... mà không phải hôn. Anh sẽ uống linh hồn em!

... Nhiều tiếng giầy thình thịch đi vào sân. Rồi tiếng mở khóa loảng xoảng. Gã tử tù ngừng nói, xong hốt hoảng: Có lẽ anh “đi” đấy. Giọng cô gái hồi hộp: Có thể là em!

Tên quản giáo mở cửa buồng gã tử tù. Hai vũ trang xông vào quát: Ngồi im không được cử động. Chúng bẻ tay gã tử tù ra sau lưng, dùng còng số 8 khóa lại. Gã tử tù nói to:

– Anh đi trước anh đợi em ở bờ sông Hồng!

Cô gái đập cửa buồng gào lên:

– Xin các ông đưa tôi đi bắn cùng anh ấy! Xin các ông!

Gã tử tù bị đẩy ra hành lang, hướng về buồng cô gái:

– Tạm biệt em, đừng cầu xin gì chúng nó cả. Chắc chắn chúng mình sẽ gặp nhau.

Cô gái nức nở:

– Anh ơi, Em thương anh quá. Em muốn đi với anh, chúng mình gặp nhau ở bờ sông Hồng... Em sẽ tới đó.

Ra tới sân, gã ngoái cổ lại kêu lớn:

– Đừng buồn, chúng mình gặp nhau trên bờ sông Hồng... ở bờ sông Hồng nghe em.... Sông Hồng... sông Hồng em ơi...

CHƯƠNG 4

LỜI KẾT

Thưa anh, Người Bạn Nguyễn Chí Thiện, chữ, nghĩa tự thân không phải là điều to lớn. Chúng chỉ là những ký hiệu, nhưng qua bàn tay, từ chiếc đầu nung lửa khổ đau, anh chúng biến thành sức mạnh. Chữ của anh là Phán Xét Chung Cuộc chính xác. Chữ của anh Tiếng Lời Tiên Tri. Bởi, giữa vũng lầy lừa dối của Miền Bắc, siết chặt cùm xiềng, anh đã hăng khảng quyết: Ta vững tin đất trời kia chẳng phụ. Công đức vun bồi nuôi dưỡng thân

ta. Trong đêm cùng vùng nhiệt đới bao la. Trái lửa của ta sẽ bùng lên vạn ánh. Và có ai chia cùng chúng tôi, những người ở Miền Nam nơi buổi mai sáng đất nước vỡ toang để chìm dần xuống đáy huyết của sự chết toàn diện nếu không muốn nói một mình anh. Chỉ mỗi mình anh với tiếng gào thống hận khôn nguôi... Khi Mỹ chạy bỏ Miền Nam cho cộng sản... Vâng, chung thủy chỉ mỗi mình anh – Người dụng Thơ Nguyễn Chí Thiện.

Ngày trình diện đi tù 26 năm trước

22 tháng 6, 1975 – 22 tháng 6, 2001

Phan Nhật Nam

